

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LỨC  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2024

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Tám

2. Bà Dương Thị Sáu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

**Bị đơn:** Ông Trương Hoài T1, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Long An

(Các đương sự có Đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ngày 16/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2013, bà và ông Trương Hoài T1 xác lập quan hệ hôn vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND, huyện B, tỉnh Long An ngày 24/11/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể

tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông T1 đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về quan hệ con chung: Bà Huỳnh Thị Thanh T xác định bà và ông T1 có 01 con chung tên Trương Hoài T2, sinh ngày 26/12/2014. Trong khoảng thời gian ly thân, cháu T2 đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng nên trước đây, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay do có khó khăn về chỗ ở nên sau khi ly hôn, bà đồng ý cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 09/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Hoài T1 trình bày:*

Trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T ông không đồng ý. Ông còn thương vợ, con nên xin được hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Ông T1 xác định ông và bà T có 01 con chung tên Trương Hoài T2, sinh ngày 26/12/2014. Hiện cháu T2 đang sống cùng với ông. Sau khi cưới, vợ chồng ông cất nhà trên mảnh đất do ông bà ngoại của ông cho ở nhờ. Bà T3 có nhà nên đưa cháu T2 đi ở trọ sẽ không đảm bảo cuộc sống cho cháu. Hiện tại, cháu T2 đang học Trường Tiểu học B (tại xã N), ông đang kinh doanh buôn bán phế liệu, thu nhập trên 10.000.000 đồng/tháng, bà T4 công nhân, thu nhập không ổn định, thường xuyên làm ca đêm nên không đảm bảo điều kiện nuôi dạy con. Do đó, trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà T ly hôn, ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại xã N, huyện B tranh chấp “Ly hôn”. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung tranh chấp:

[2]. Bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Trương Hoài T1 xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND, huyện B, tỉnh Long An ngày 24/11/2017 theo qui định. Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng giữa bà T và ông T1 đã phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vả lẫn nhau. Ông T1 cho rằng còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn và xin được hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, từ khi bà T nộp đơn khởi kiện đến nay, mặc dù ông T1 có ý muốn hàn gắn lại hạnh phúc nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, một bên vợ, chồng đã không còn thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T1 đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp với nhau và sống ly thân khoảng 01 năm nay là đã vi phạm một trong những quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà các bên trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp.

[4]. Về nuôi con chung: Bà T và ông T1 cùng thống nhất xác định quá trình chung sống vợ chồng 01 con chung tên Trương Hoài T2, sinh ngày 26/12/2014. Khi ly hôn ông T1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà T5 đồng ý cho ông T1 được quyền nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện cháu T2 đang sống với ông T1 và có nguyện vọng sống với ba trong trường hợp ba mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu T2 nên giao nên giao cháu T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T1 không yêu cầu bà T cấp D nuôi con nên bà Huỳnh Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con theo luật định và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T1 cùng thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điểm a khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Huỳnh Thị Thanh T về việc “Ly hôn” với ông Trương Hoài T1.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thanh T được ly hôn với ông Trương Hoài T1.

2. Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Hoài T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Hoài T2, sinh ngày 26/12/2014. Bà Huỳnh Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007728 ngày 08/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức chuyển sang án phí. Bà T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã Nhựt Chánh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**Đặng Thị Nga**